

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2021/HS-PT

Ngày: 29/4/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tào

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Nguyễn Tấn Long

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Đình Thọ, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 244/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Trường H, Nguyễn Hữu S, Nguyễn Đức T, Võ Thành L, Trương Quốc M, Hồ Nguyễn Đức N, Nguyễn Ngọc C, Lê Hữu Phong T1, Bùi Công Đ do có kháng cáo của các bị cáo Trương Quốc M, Hồ Nguyễn Đức N, Nguyễn Ngọc C, Lê Hữu Phong T1, Bùi Công Đ; kháng cáo của người bị hại ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Ngọc Nh và đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn H2 là bà Nguyễn Thị V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HSST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**\* Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:**

1. Nguyễn Trường H (*Bảy Hận*), sinh năm 1978 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn C1, xã V2, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ học vấn: 6/12; con ông Nguyễn Văn Th1 (1942) và bà Trần Thị V4 (1947); vợ Ngô Thị Thu H4 (1981), có 03 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giam từ ngày 01/8/2019, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu S (*Chim*), sinh năm 1989 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn HL, xã V5, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông

Nguyễn Nh1 (1963) và bà Nguyễn Thị Mộng Tr2 (1966); vợ Trương Thị Mỹ Tr1 (1993);

Tiền án: Ngày 21/6/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp tài sản”; ngày 16/8/2010 bị Tòa án nhân dân huyện V3 xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong vào ngày 21/01/2018; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đức T (*Tý Bên*), sinh năm 1983 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn HL, xã V5, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; con ông Nguyễn B (chết) và bà Nguyễn Thị H6 (1958); vợ Võ Thị Kiều O (1980), có 01 con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 20/3/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong vào ngày 04/4/2009. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

4. Võ Thành L (*Tin*), sinh năm 1994 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Tổ dân phố 14, thị trấn V6, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; con ông Võ Thành H7 (1966) và bà Nguyễn Thị A2 (1971);

Tiền án: Ngày 24/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện V3 xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, chấp hành xong thời gian thử thách ngày 24/02/2019; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/7/2019; có mặt tại phiên tòa.

5. Trương Quốc M, sinh năm 1987 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn C1, xã V2, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 11/12; con ông Trương Dương Q2 (1965) và bà Nguyễn Thị B1 (1967); vợ Nguyễn Thị Thanh Tr (1992), có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

6. Hồ Nguyễn Đức N, sinh năm 1990 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Tổ dân phố 15, thị trấn V6, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; con ông Hồ Văn M2 (1968) và bà Nguyễn Thị X (1968); vợ Trần Thị Thanh T5 (1998), có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 10/11/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; ngày 13/12/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong vào ngày 21/6/2013. Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giam từ ngày 01/8/2019, có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1992 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn X1, xã V7, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Văn T6 (1970) và bà Nguyễn Thị N1 (1972); vợ Trần Thị N2 (1992), có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 22/7/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 08/4/2015 Tòa án nhân dân huyện V3 xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong vào ngày 20/3/2016. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

8. Lê Hữu Phong T1, sinh năm 1993 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn C1, xã V2, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Văn Nh (1964) và bà Huỳnh Thị L3 (1963); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

9. Bùi Công Đ (Út), sinh năm 1993 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn C1, xã V2, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; con ông Bùi Đình N3 (1946) và bà Văn Thị Mỹ A1 (1954); vợ Nguyễn Thị Tường L4 (1993), có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2019, đến ngày 20/3/2020 thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

#### ***Những người tham gia tố tụng khác:***

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Trường H, Nguyễn Đức T, Võ Thành L, Hồ Nguyễn Đức N, Nguyễn Ngọc C, Lê Hữu Phong T1, Bùi Công Đ:* Luật sư Huỳnh Văn Th - Công ty Luật TNHH một thành viên A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Quốc M:* Luật sư Lê Văn T2 - Văn phòng Luật sư L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu S:* Luật sư Nguyễn Hồng H1 - Văn phòng Luật sư N1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

#### ***\* Bị hại:***

- Anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn TL, xã V2, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

- Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn TL, xã V2, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

- Anh Nguyễn Ngọc Nh, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn TL, xã V2, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

- Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972 (chết ngày 08/5/2020).

*Đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn H2:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966; anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 1990; anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn TL, xã V2, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa. *(có mặt)*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại:* Luật sư Nguyễn Hương Q - Công ty Luật TNHH một thành viên P, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. *(có mặt)*

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Chị Trần Thị Thanh H3, sinh năm 1999. Địa chỉ: 50A đường N5, phường V7, thành phố N4, tỉnh Khánh Hòa. *(có mặt)*

Chị Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn C1, xã V2, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa. *(có mặt)*

Bà Văn Thị Mỹ A1, sinh năm 1953. Địa chỉ: Thôn C1, xã V2, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa. *(có mặt)*

Bà Ngô Thị Thu H4, sinh năm 1981. Địa chỉ: B28 đường T7, phường T8, quận T9, Thành phố Hồ Chí Minh. *(vắng mặt)*

Chị Trương Thị Mỹ Tr1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn HL, xã V5, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa. *(có mặt)*

Bà Nguyễn Thị A2, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ dân phố 14, thị trấn V6, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa. *(vắng mặt)*

Ông Lê Văn Nh, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn C1, xã V2, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa. *(có mặt)*

***Người làm chứng (có liên quan đến kháng cáo):***

Anh Hồ Tấn H5, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn T9, xã Đ2, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa. *(có mặt)*

Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ dân phố 15, thị trấn V6, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa. *(vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Trưa ngày 13/4/2019, tại nhà ông Nguyễn Văn L2 ở Thôn TL, xã V2, Huyện V3, Khánh Hòa có tổ chức ăn uống gồm có: Nguyễn Công P1, Huỳnh Trung Đ1, Nguyễn Ngọc Nh, Hồ Tấn H5, Nguyễn Văn M1, Trương Quốc M. Quá trình ăn nhậu, giữa P1 và M1 nảy sinh mâu thuẫn nên Đ1 chở P1 về xã Đ2. Sau khi Đ1 và P1 đi về, M1 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn V1 (là em họ M1) đến chở M1 chạy theo để đánh P1. Sợ M1 và V1, đánh P1 nên M, H5, Nh đuổi theo để can ngăn, khi đến ngã 3 đường Thôn C1 - thôn Đ3 thì đuổi kịp M1, lúc này M điện thoại nói P1 quay lại để giảng hòa, P1 đồng ý. Khi Đ1 chở P1 quay lại thì M1, V1 dùng tay đánh P1 và Đ1. Thấy vậy M, H5, Nh can ngăn sau đó M, H5 đưa P1, Đ1 đến Trạm y tế xã V2 xử lý vết thương và đến Công an xã V2 trình báo, còn Nh, M1, V1 bỏ đi. Do sợ bị M1, V1 đánh tiếp nên P1 điện thoại Ngô Lê Anh T3 (em họ P1) kể lại sự việc, nhờ T3 báo cho Công an huyện V3 và gọi người quen đến đưa

P1 về. T3 gọi điện thoại báo anh Phạm Văn T3 (nguyên Trưởng Công an xã V2) và anh Đỗ Nhân Q1 (cán bộ Công an huyện V3) biết đến xử lý, đồng thời điện thoại cho Nguyễn Trường H đến Công an xã V2 đưa P1 về vì T3 sợ M1, V1 tiếp tục chặn đường đánh P1.

Sau khi nghe việc T3 nhờ, H đang ở cơ sở kinh doanh Karaoke “TH” thuộc thôn Phú Cang, Vạn Phú, Huyện V3 đã rủ: Võ Thành L (Tin) mang theo 01 súng tự chế dạng bút, Hồ Nguyễn Đức N, Nguyễn Đức T (Tý Bên), Nguyễn Hữu S (Chim), Nguyễn Ngọc C đi cùng. Tất cả đồng ý và lên xe ô tô biển số 79A-196.56 do H điều khiển đi đến UBND xã V2 tìm P1. Trên đường đi H điện thoại cho Nguyễn Văn Đ1 (Rô) hẹn đến UBND xã V2, sau đó điện thoại cho M thì M cho biết P1 bị M1 đánh và hẹn gặp H ở UBND xã V2. Sau khi nghe điện thoại của H, M rủ Lê Hữu Phong T1, Bùi Công Đ (Út) mang theo 02 cây kiếm (01 cây dài 80cm, 01 cây có vỏ bằng ống sắt tròn) để cùng H đi đánh M1.

Đến khoảng 22 giờ 00 phút, nhóm của H và nhóm của M gặp nhau tại trước UBND xã V2. Anh Đỗ Nhân Q1 sau khi biết việc 02 nhóm chuẩn bị đi đánh nhau nên đến giải thích và yêu cầu 02 nhóm đối tượng đi về không được đánh nhau. Tuy nhiên, H và M vẫn đi tìm đánh M1. Đ điều khiển xe mô tô biển số 79V1-195.31 chở M và T1 cầm 02 cây kiếm đi trước; H chở L, N, T, S, C bằng xe ô tô biển số 79A-196.56 đi theo sau đến thôn TL, V2 tìm đánh M1. Trên đường đi H nói với cả nhóm trên xe ô tô biết việc đi tìm đánh M1 và bàn nhau lấy cơ bi da sau cốp xe ô tô làm hung khí để đánh nhau. Cả nhóm đi đến 01 quán nhậu thuộc thôn TL, V2 tìm M1 nhưng không gặp. Do không biết nhà M1 nên M điện thoại cho Hồ Tấn H5 để hỏi nhà M1, H5 chỉ nhà của M1 cho M biết. Khi tất cả đã đến trước nhà M1, M cầm kiếm dài 80cm; T1 cầm kiếm có vỏ bằng ống sắt tròn; L cầm súng tự chế và 01 đoạn cơ bi da; N, S, C cầm đoạn cơ bi da; T nhặt 01 khúc gỗ cùng đi vào nhà M1, còn H và Đ đứng bên ngoài. M1 ở trong nhà phát hiện nhóm M đi đến nên cầm 01 cây sào đầu có gắn lưỡi kim loại như câu liêm (cây móc cu) chạy ra đánh nhau thì bị T cầm cây gỗ đánh cây móc cu gãy rời 02 đoạn. T nhặt đoạn có gắn lưỡi kim loại rồi cùng cả nhóm đuổi chém vào vai của M1, M1 bỏ chạy. Nguyễn Văn Ch (em ruột M1) đang ngủ trong phòng nghe đánh nhau nên cầm 01 cây gỗ chạy ra thì bị T và M chém trúng đầu, mặt bên trái, vai trái, cánh tay trái, ông Nguyễn Văn H2 (cha ruột M1) ngủ sau nhà chạy vào thì bị T, M chém 02 nhát vào lưng trái, ông H2 bỏ chạy ra bên hông trái căn nhà thì tiếp tục bị T chém 01 nhát vào vai phải, ông H2 tiếp tục chạy vòng sang bên hông phải căn nhà thì gặp Nguyễn Ngọc Nh (ở gần nhà M1) nghe đánh nhau chạy sang. L phát hiện ông H2 và Nh nên cầm súng bắn 03 phát, 01 phát trúng đầu ông H2, 01 phát trúng cánh tay phải của Nh. Anh Nguyễn Văn T4 là người dân ở thôn C1 đi chơi về thấy đánh nhau vào xem, cũng bị đánh vào vùng đầu bên phải làm rách da, rạn nứt xương mu bàn tay trái. Sau đó, cả nhóm lên xe bỏ đi, còn ông H2 và các anh Ch, M1, Nh, T4 được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện V3 và Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa.

Tại các Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 117, số 125 cùng ngày 02/5/2019 và số 134, số 136 cùng ngày 08/5/2019 của Trung tâm pháp y

tỉnh Khánh Hòa kết luận: Đối với ông Nguyễn Văn H2: Vùng vai trái có 01 vết thương dài 16cm, vùng lưng trái có 02 vết thương dài 20cm và 12cm, vùng đùi trái có 02 vết thương mỗi vết dài 01 cm (01 vết phẫu thuật). Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 10%. Ngày 08/5/2020, Nguyễn Văn H2 tử vong do bệnh lý; Đối với anh Nguyễn Văn Ch: Vùng đỉnh trái có 01 vết sẹo dài 4cm; vùng mặt bên trái có 01 vết sẹo dài 17cm ảnh hưởng thẩm mỹ, vết thương gây lóc một phần màng xương vùng bờ ngoài ổ mắt trái; vùng vai trái có 01 vết sẹo dài 9cm; vùng cánh tay trái có 01 vết sẹo dài 03cm; vùng khuỷu cẳng tay trái có 02 vết sẹo dài 15cm và 03cm, vết thương gây gãy đầu trên xương quay, đứt thần kinh quay. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 43%; đối với anh Nguyễn Văn M1: Vùng vai trái có 01 vết sẹo dài 09cm. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 08%; đối với anh Nguyễn Ngọc Nh: Vùng cánh tay phải có 01 vết thương kích thước (01x06)cm vết thương mở rộng. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 08%; đối với anh Nguyễn Văn T4: Anh T4 không yêu cầu xử lý hình sự, không yêu cầu bồi thường.

Tại Kết luận giám định số 225 ngày 14/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Khẩu súng gửi trưng cầu giám định là loại súng tự chế, dạng súng bút, không nằm trong danh mục súng quân dụng. Súng có tính năng tác dụng tương tự súng quân dụng; 17 viên kim loại (nghỉ là đạn) là loại đạn thể thao cỡ (5,6 x 15,6) mm. Loại đạn này có thể sử dụng được cho súng thể thao Toz8, khẩu súng gửi giám định và các loại súng khác cùng cỡ nòng 5,6mm; mảnh kim loại lấy ra từ người Nguyễn Ngọc Nh có đặc điểm phù hợp với đặc điểm đầu đạn của loại đạn thể thao cỡ (5,6 x 15,6) mm. Dấu vết của súng để lại trên mảnh kim loại này không đủ cơ sở để truy nguyên khẩu súng bắn ra; mảnh kim loại lấy từ người Nguyễn Văn H2 là đầu đạn của loại đạn thể thao cỡ (5,6 x 15,6) mm, do khẩu súng gửi giám định trong vụ việc trên bắn ra.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HS-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:***

1. Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Trường H, Nguyễn Đức T, Võ Thành L, Trương Quốc M, Hồ Nguyễn Đức N, Nguyễn Hữu S, Nguyễn Ngọc C, Lê Hữu Phong T1, Bùi Công Đ.

Áp dụng điểm p khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Hữu S.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Trường H, Nguyễn Đức T, Võ Thành L, Trương Quốc M, Nguyễn Ngọc C, Lê Hữu Phong T1, Bùi Công Đ.

Áp dụng điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Võ Thành L.

Áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Trường H, Trương Quốc M, Lê Hữu Phong T1, Bùi Công Đ.

Áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Công Đ.

Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H 14 (mười bốn) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/8/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu S 13 (mười ba) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Võ Thành L 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Trương Quốc M 11 (mười một) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Hồ Nguyễn Đức N 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 26/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C 10 (mười) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Lê Hữu Phong T1 10 (mười) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Bùi Công Đ 7 (bảy) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam trước đó từ ngày 27/7/2019 đến ngày 20/3/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

- Vào các ngày 01/02, 04/02, 05/02 và ngày 08/2/2021, các bị cáo Lê Hữu Phong T1, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Trường H, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu S, Trương Quốc M, Võ Thành L, Bùi Công Đ, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Ngày 05/02/2021, các bị hại Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị V, đại diện hợp pháp người bị hại Nguyễn Văn H2

(chết) kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Trường H, Trương Quốc M, Võ Thành L, Nguyễn Đức T, Hồ Nguyễn Đức N, Nguyễn Ngọc C, Lê Hữu Phong T1; xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Bùi Công Đ, Nguyễn Hữu S; yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại; yêu cầu xem xét vai trò đồng phạm trong vụ án đối với Nguyễn Văn Đ1, Hồ Tấn H5 vì có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

- Ngày 17/02 và ngày 19/02/2021, các bị cáo Nguyễn Hữu S, Nguyễn Đức T, Nguyễn Trường H và Võ Thành L có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo.

\* Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Lê Hữu Phong T1, Nguyễn Ngọc C, Trương Quốc M, Bùi Công Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Các bị hại Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị V, đại diện hợp pháp người bị hại Nguyễn Văn H2 rút yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với các bị cáo Hồ Nguyễn Đức N, Võ Thành L và Nguyễn Ngọc C và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo N, L và C; các nội dung kháng cáo khác vẫn giữ nguyên.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của các bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận và kết luận của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 22h00 ngày 13/4/2019, tại nhà ông Nguyễn Văn H2 thuộc thôn TL, xã V2, huyện V3, tỉnh Khánh Hòa; tuy không mâu thuẫn gì nhưng các bị cáo Trương Quốc M, Nguyễn Trường H, Võ Thành L, Nguyễn Đức T, Hồ Nguyễn Đức N, Nguyễn Hữu S, Nguyễn Ngọc C, Lê Hữu Phong T1 và Bùi Công Đ đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm như: Kiếm, cây câu liêm, súng tự chế đánh, chém, bắn vào vùng đầu, tay chân (là nơi trọng yếu của cơ thể con người có khả năng dẫn đến hậu quả chết người) gây thương tích cho Nguyễn Văn Ch 43%, Nguyễn Văn H2 10%, Nguyễn Văn M1 8% và Nguyễn Ngọc Nh 8%. Với hành vi, hậu quả nêu trên, án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Trương Quốc M, Nguyễn Trường H, Võ Thành L, Nguyễn Đức T, Hồ Nguyễn Đức N, Nguyễn Hữu S, Nguyễn Ngọc C, Lê Hữu Phong T1 và Bùi Công Đ phạm tội “Giết người” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2]. Đối với các bị cáo Nguyễn Hữu S, Nguyễn Đức T, Nguyễn Trường H và Võ Thành L; xét thấy ngày 17/02 và ngày 19/02/2021, các bị cáo Nguyễn Hữu S, Nguyễn Đức T, Nguyễn Trường H và Võ Thành L có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử P1 thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo.



[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Hữu Phong T1, Nguyễn Ngọc C, Trương Quốc M, Bùi Công Đ; kháng cáo của các bị hại Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị V đại diện hợp pháp người bị hại Nguyễn Văn H2 (chết) yêu cầu tăng mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Trường H, Trương Quốc M, Nguyễn Đức T, Lê Hữu Phong T1 và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Bùi Công Đ, Nguyễn Hữu S, Hồ Nguyễn Đức N, Nguyễn Ngọc C, Võ Thành L nhận thấy: Các bị cáo Trương Quốc M, Nguyễn Trường H, Võ Thành L, Nguyễn Đức T, Hồ Nguyễn Đức N, Nguyễn Hữu S, Nguyễn Ngọc C, Lê Hữu Phong T1 và Bùi Công Đ bị truy tố, xét xử về tội “Giết người” theo điểm a (Giết 02 người trở lên), điểm n (Có tính chất côn đồ) khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 (riêng bị cáo Nguyễn Hữu S còn thêm điểm p (tái phạm nguy hiểm) khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015) có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; xét thấy: Hành vi của các bị cáo là rất manh động, rủ rê, tụ tập chuẩn bị hung khí đi tìm nhà bị hại Nguyễn Văn M1 để đánh; tại đây các bị cáo thể hiện tính côn đồ, hung hãn, gặp bất cứ người nào các bị cáo đều dùng hung khí để tấn công, gây thương tích cho 04 người, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Đồng thời án sơ thẩm cũng đã áp dụng nguyên tắc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt, để xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H: 14 năm tù, Nguyễn Hữu S: 13 năm tù, Nguyễn Đức T: 12 năm tù, Võ Thành L: 12 năm tù, Trương Quốc M: 11 năm tù, Hồ Nguyễn Đức N: 10 năm 6 tháng tù, Nguyễn Ngọc C: 10 năm tù, Lê Hữu Phong T1: 10 năm tù và Bùi Công Đ: 7 năm tù là đúng, đảm bảo tính nghiêm minh, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò của từng bị cáo trong vụ án và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cũng như kháng cáo tăng nặng hình phạt; giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

[4]. Xét kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại của các bị hại Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị V là đại diện hợp pháp người bị hại Nguyễn Văn H2 nhận thấy:

Qua xem xét yêu cầu của người bị hại và các tài liệu, chứng từ do người bị hại cung cấp có tại hồ sơ vụ án, nhận thấy án sơ thẩm buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho người bị hại các khoản gồm: Chi phí điều trị, tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị, tiền giảm sút sức khỏe do thương tích, tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền tổn thất tinh thần; với số tiền bồi thường cho từng bị hại: Bồi thường cho Nguyễn Ngọc Nh: 37.900.000 đồng; Nguyễn Văn H2: 50.096.962 đồng; Nguyễn Văn M1: 32.941.111 đồng và Nguyễn Văn Ch: 291.264.500 đồng là đúng với quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo về tăng bồi thường phần trách nhiệm dân sự; giữ nguyên bản án về phần trách nhiệm dân sự.

[5]. Về kháng cáo của các bị hại Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị V đại diện hợp pháp người bị hại Nguyễn Văn H2 yêu cầu xem xét vai trò đồng phạm trong vụ án đối với Nguyễn Văn Đ1, Hồ Tấn H5 vì có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm; xét thấy:

[5.1]. Đối với Hồ Tấn H5: Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm xác định hành vi của Hồ Tấn H5 chỉ nhà của Nguyễn Văn M1 cho Trương Quốc M biết, H5 không biết được nhóm của M tìm Nguyễn Văn M1, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Ngọc Nh và Nguyễn Văn H2 để đánh và H5 cũng không tham gia đánh nhau, nên cấp sơ thẩm không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Hồ Tấn H5 trong vụ án này là có căn cứ.

[5.2]. Đối với Nguyễn Văn Đ1: Tuy quá trình điều tra các bị hại khai rằng chính Nguyễn Văn Đ1 (Rô) là người sử dụng súng bắn Nguyễn Ngọc Nh và Nguyễn Văn H2. Tuy nhiên quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định Nguyễn Văn Đ1 có đến khu vực hiện trường nhưng thời điểm đó việc đánh nhau đã kết thúc. Khẩu súng mà Võ Thành L sử dụng chính L đã mang giấu tại quán Karaoke TH và được thu giữ trong quá trình khám xét; Võ Thành L cũng xác nhận không đưa súng cho ai khác, nên không có căn cứ xác định Đ1 là người sử dụng súng bắn H2 và Nh.

Tại phiên tòa phúc thẩm cũng không có tài liệu, chứng cứ nào xác định Hồ Tấn H5 và Nguyễn Văn Đ1 có tham gia đánh các bị hại, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị hại về nội dung này.

[6]. Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HS-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lê Hữu Phong T1, Nguyễn Ngọc C, Trương Quốc M, Bùi Công Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Từ nhận định trên;

#### QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 342, 348 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Hữu S, Nguyễn Đức T, Nguyễn Trường H và Võ Thành L; vì đã rút kháng cáo.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Hữu Phong T1, Nguyễn Ngọc C, Trương Quốc M, Bùi Công Đ; kháng cáo của các bị hại Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị V là đại diện hợp pháp người bị hại Nguyễn Văn H2 về yêu cầu tăng mức hình phạt

đối với các bị cáo Nguyễn Trường H, Trương Quốc M, Nguyễn Đức T, Lê Hữu Phong T1, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Bùi Công Đ, Nguyễn Hữu S, Hồ Nguyễn Đức N, Võ Thành L, Nguyễn Ngọc C; yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại và yêu cầu xem xét vai trò đồng phạm trong vụ án đối với Nguyễn Văn Đ1, Hồ Tấn H5 vì có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

\* Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trường H, Trương Quốc M, Võ Thành L, Nguyễn Đức T, Hồ Nguyễn Đức N, Nguyễn Ngọc C, Lê Hữu Phong T1, Bùi Công Đ và Nguyễn Hữu S phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Trường H, Nguyễn Đức T, Võ Thành L, Trương Quốc M, Hồ Nguyễn Đức N, Nguyễn Hữu S, Nguyễn Ngọc C, Lê Hữu Phong T1, Bùi Công Đ. (Áp dụng thêm điểm p khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Hữu S; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Trường H, Nguyễn Đức T, Võ Thành L, Trương Quốc M, Nguyễn Ngọc C, Lê Hữu Phong T1, Bùi Công Đ; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Võ Thành L; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Trường H, Trương Quốc M, Lê Hữu Phong T1, Bùi Công Đ; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Bùi Công Đ).

Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/8/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu S 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Võ Thành L 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Trương Quốc M 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Hồ Nguyễn Đức N 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 26/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Lê Hữu Phong T1 10 (mười) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Bùi Công Đ 7 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam trước đó từ ngày 27/7/2019 đến ngày 20/3/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 587, 590 Bộ luật dân sự:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Trường H, Nguyễn Đức T, Võ Thành L, Trương Quốc M, Hồ Nguyễn Đức N, Nguyễn Hữu S, Nguyễn Ngọc C, Lê Hữu Phong T1 phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc Nh số tiền là 32.900.000 đồng. Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 4.112.500 đồng.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Trường H, Nguyễn Đức T, Võ Thành L, Trương Quốc M, Hồ Nguyễn Đức N, Nguyễn Hữu S, Nguyễn Ngọc C, Lê Hữu Phong T1, Bùi Công Đ phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn Ch số tiền là 224.302.573 đồng. Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 24.922.508 đồng.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Hữu Phong T1, Nguyễn Ngọc C, Trương Quốc M, Bùi Công Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa (10);
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo tạm giam (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Bị cáo tại ngoại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã V2, xã V5, thị trấn V6, xã V7; huyện V3, tỉnh Khánh Hòa (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án (ĐTT-47).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Tào**